

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính tổng hợp riêng Quý 4 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo tài chính riêng Quý 4.2025	
- Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7 – 8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 – 10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty:

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 07 tháng 02 năm 2023.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà. Đào Thị Lan Anh	Thành Viên (Từ 24/06/2025)

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Lương Minh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ 17/02/2025)

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội (Địa chỉ cũ theo ĐKKD: 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		241.862.453.512	211.373.596.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		81.506.665.642	71.474.919.460
1. Tiền	111	5.1	81.506.665.642	71.474.919.460
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	1.700.000.000	1.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.700.000.000	1.700.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.146.428.141	49.787.932.831
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	58.093.722.963	48.835.409.541
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	420.190.438	726.162.430
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	25.755.316.579	4.269.414.039
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.9	(5.122.801.839)	(4.043.053.179)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	78.457.257.113	87.142.515.537
1. Hàng tồn kho	141		78.457.257.113	87.142.515.537
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.052.102.616	1.268.228.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.044.400.843	539.049.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	7.701.773	729.178.514
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.214.342.978	218.259.715.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.110.555.397	48.427.730.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	51.110.555.397	48.427.730.959
- Nguyên giá	222		91.522.086.782	86.657.096.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.411.531.385)	(38.229.365.797)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		40.212.000	40.212.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.212.000)	(40.212.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.152.130.004	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	1.152.130.004	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	148.724.247.808	168.289.594.466
1. Đầu tư vào công ty con	251		120.710.000.000	149.180.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.000.000.000	32.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.985.752.192)	(12.890.405.534)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.227.409.769	1.542.390.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.227.409.769	1.542.390.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		444.076.796.490	429.633.311.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		111.848.497.696	108.037.086.408
I. Nợ ngắn hạn	310		108.924.887.576	107.651.874.955
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	36.095.755.554	31.900.140.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	263.399.995	23.998.925
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.519.591.723	4.526.860.915
4. Phải trả người lao động	314		894.726.900	554.596.739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	497.000.000	579.751.605
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	7.831.905.241	12.082.428.883
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	59.243.803.125	56.405.392.230
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
II. Nợ dài hạn	330		2.923.610.120	385.211.453
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	435.430.120	240.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	2.488.180.000	144.781.333
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	332.228.298.794	321.596.225.209
I. Vốn chủ sở hữu	410		332.228.298.794	321.596.225.209
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.999.670.000	275.999.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.999.670.000	275.999.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(375.454.545)	(375.454.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.639.592.181	33.909.777.982
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		21.964.491.158	12.062.231.772
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.332.417.573	12.062.231.772
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.632.073.585	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		444.076.796.490	429.633.311.617

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á
Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 4 Năm 2025

Mẫu số B 02 – DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý 4	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	53.071.899.375	68.715.174.499	168.845.158.474	154.504.984.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	72.968.154	1.127.317.808	94.046.804	1.603.617.165
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.998.931.221	67.587.856.691	168.751.111.670	152.901.367.094
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	42.608.265.106	59.636.334.699	137.532.820.151	127.049.412.977
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.390.666.115	7.951.521.992	31.218.291.519	25.851.954.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	77.468.136	2.935.726.304	3.667.408.416	4.931.647.426
7. Chi phí tài chính	22	6.5	(2.223.513.912)	450.535.423	(2.001.056.013)	(813.452.540)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		827.281.150	683.982.585	3.303.597.329	2.701.162.967
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	2.626.939.161	768.631.219	10.444.081.356	8.476.109.741
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	4.912.748.897	(2.921.496.978)	14.903.287.773	5.831.850.569
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.151.960.105	12.589.578.632	11.539.386.819	17.289.093.773
11. Thu nhập khác	31	6.6	50.135.499	492.864.220	966.479.419	1.457.959.220
12. Chi phí khác	32	6.7	(19.649.134)	73.116.813	102.785.274	85.722.554
13. Lợi nhuận khác	40		69.784.633	419.747.407	863.694.145	1.372.236.666

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.221.744.738	13.009.326.039	12.403.080.964	18.661.330.439
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.044.348.948	2.102.317.248	1.771.007.379	2.143.369.738
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	4.177.395.790	10.907.008.791	10.632.073.585	16.517.960.701

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Nội, ngày 29 tháng 02

Nguyễn Hồng Thái

~~Hoàng Văn Tuấn~~

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 Năm 2025

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý 4	
			Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.403.080.964	18.661.330.439
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.788.314.378	3.252.197.327
- Các khoản dự phòng	03		(7.824.904.682)	(10.756.645.353)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		3.303.597.329	2.701.162.967
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.670.087.989	13.858.045.380
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52.853.702.331)	(52.458.923.954)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.685.258.424	2.732.400.072
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		25.993.248.111	30.035.216.867
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(190.370.762)	28.393.360
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.303.597.329)	(2.701.162.967)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.571.512.067)	(768.254.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.570.587.965)	(9.274.285.592)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng				
1. TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.623.268.820)	(32.454.500)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán				
2. TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		67.000.000	110.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.200.000.000	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(330.000.000)	(380.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		106.792.072	651.325.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.420.523.252	348.870.868

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo) Mẫu số B 03 – DN
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 4 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm tới cuối Quý 4 Năm 2025	Năm 2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	140.654.447.971	127.282.023.031
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(135.472.637.076)	(128.062.401.740)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.181.810.895	(780.378.709)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.031.746.182	(9.705.793.433)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		71.474.919.460	80.180.712.893
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		81.506.665.642	70.474.919.460

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Nguyễn Hồng Thái	Hoàng Văn Tuấn	Nguyễn Văn Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 07 tháng 02 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có công ty con:

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn ./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/12/2024 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn ./.*)

Trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần S'Capital (trước là Công ty Cổ phần Cầu đống Việt Nam) (đã thoái 100% vốn kể từ ngày 09/01/2025)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107685109 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 05 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 05/10/2022 là 5.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng chẵn ./.*)

Trụ sở tại thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Sơn Maxcom Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1102049260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2024 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 02 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1102049260 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/02/2024 là 10.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn ./.*)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 09 - DN

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Trên Đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên Đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%	81,82%	81,82%
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	75%	75%	75%	75%
CTCP Sơn Maxcom Việt Nam	51%	100%	100%	100%

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Số lao động tại ngày 31/12/2025 của công ty là 109 người.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3. Nợ phải thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị xuất kho theo phương pháp bình quân tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo hướng dẫn Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho".

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình".

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

03 - 25 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Máy móc thiết bị 03 - 08 năm

Phương tiện vận tải 05 - 06 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý 03 năm

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 04 "Tài sản cố định vô hình".

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm 05 năm

4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 06 "Thuê tài sản".

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác..

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí dự phòng các khoản đầu tư, đánh giá chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4.18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, sơn keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	1.623.773.549	2.316.931.293
Tiền gửi ngân hàng	79.882.892.093	69.157.988.167
Cộng	81.506.665.642	71.474.919.460

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	58.093.722.963	48.835.409.541
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	35.181.165.159	25.431.159.536
- Công ty Cổ phần Original Paint Maker	10.360.863.536	17.086.256.786
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12.551.694.268	6.317.993.219
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	35.181.165.159	25.431.159.536

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	420.190.438	726.162.430
- Công ty TNHH Sriithai Việt Nam	-	356.027.982
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	420.190.438	370.134.448
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	25.755.316.579	-	4.269.414.039	-
- Tạm ứng	24.356.704.906	-	4.247.060.354	-
- Phải thu khác	1.398.611.673	-	22.353.685	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	56.741.252.638	-	59.980.176.205	-
Công cụ, dụng cụ	499.075.965	-	412.304.564	-
Chi phí SXKD dở dang	11.581.055.423	-	12.434.926.687	-
Thành phẩm nhập kho	9.463.904.067	-	14.153.564.600	-
Hàng hóa	171.969.020	-	161.543.481	-
Cộng	78.457.257.113	-	87.142.515.537	-

5.6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn	1.044.400.843	539.049.789
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	504.684.214	150.467.781
- Các khoản khác	539.716.629	388.582.008
b) Dài hạn	1.227.409.769	1.542.390.061
- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa	545.454.545	818.181.818
- Chi phí dài hạn khác	681.955.224	724.208.243
Cộng	2.271.810.612	2.081.439.850

5.7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

- Xây dựng cơ bản dở dang

Cộng

	31/12/2025	01/01/2025
	1.152.130.004	-
Cộng	1.152.130.004	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 . NỢ XẤU

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị : VND

	31/12/2025		01/01/2025		Dự phòng
	Giá gốc	Hoàn nhập	Giá gốc	Hoàn nhập	
- Các khoản phải thu ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192.880.615	192.880.615	-	192.880.615	-
Công ty TNHH Phương Đông	31.631.516	31.631.516	-	31.631.516	-
Công ty TNHH MTV TM Sơn Hiến	102.599.197	102.599.197	-	102.599.197	-
Công ty TNHH TM An Dương	48.966.375	48.966.375	-	48.966.375	-
Doanh nghiệp Minh Châu	41.393.406	41.393.406	-	41.393.406	-
Công ty TNHH XD & TMDV Hưng Việt	183.296.132	183.296.132	-	183.296.132	-
Công ty TNHH XD & TMĐT Đại Phú Gia	69.476.541	69.476.541	-	69.476.541	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Huy Phát	30.396.555	30.396.555	-	30.396.555	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải số 6	22.396.342	22.396.342	-	22.396.342	-
Công ty TNHH Thanh Phương	28.259.444	28.259.444	-	28.259.444	-
Công ty TNHH XD Vận tải Hải Nam	29.252.869	29.252.869	-	29.252.869	-
Công ty TNHH Xây dựng Phú Yên	68.156.611	68.156.611	-	68.156.611	-
CTCP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	179.478.333	179.478.333	-	179.478.333	-
Nhà phân phối Châu Ái	31.561.658	31.561.658	-	31.561.658	-
Nhà phân phối Dương Việt Dũng	74.973.795	74.973.795	-	74.973.795	-
Nhà phân phối Mạnh Dũng	37.013.327	37.013.327	-	37.013.327	-
Nhà phân phối Phúc Hưng	59.790.270	59.790.270	-	59.790.270	-
Nhà phân phối sơn Viglacera	68.749.775	68.749.775	-	68.749.775	-
Tuyết Huân	51.268.960	51.268.960	-	51.268.960	-
XNXD4 - CTCP Cơ khí và Xây dựng VIG	162.049.631	162.049.631	-	162.049.631	-
Đại lý Hàng Cường	36.997.153	36.997.153	-	36.997.153	-
Các công ty khác	8.299.675.350	3.176.873.511	(5.122.801.839)	7.219.926.690	(4.043.053.179)
Cộng	9.850.263.855	4.727.462.016	(5.122.801.839)	8.770.515.195	4.727.462.016

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á
Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025			01/01/2025			Mẫu số B 09 - DN
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.700.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-	1.700.000.000	Đơn vị tính: VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.700.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-	1.700.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	1.700.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-	1.700.000.000	
b) Đầu tư tài chính dài hạn	152.710.000.000	(3.985.752.192)	156.695.752.192	181.180.000.000	(12.890.405.534)	194.070.405.534	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	152.710.000.000	(3.985.752.192)	156.695.752.192	181.180.000.000	(12.890.405.534)	194.070.405.534	
- Đầu tư vào Công ty con	120.710.000.000	(3.985.752.192)	124.695.752.192	149.180.000.000	(12.890.405.534)	162.070.405.534	
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG - tỷ lệ sở hữu 81,82%	45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam - tỷ lệ sở hữu 75%	75.000.000.000	(3.794.501.123)	78.794.501.123	75.000.000.000	(9.190.073.080)	84.190.073.080	
+ Công ty Cổ phần S'Capital - tỷ lệ sở hữu 0%	-	-	-	28.800.000.000	(3.600.000.000)	32.400.000.000	
+ Công ty Cổ phần Sơn Maxcom Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 100%	710.000.000	(191.251.069)	901.251.069	380.000.000	(100.332.454)	480.332.454	
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	32.000.000.000	-	32.000.000.000	32.000.000.000	-	32.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Rồng Việt - tỷ lệ sở hữu 6%	32.000.000.000	-	32.000.000.000	32.000.000.000	-	32.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

5.9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- (i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 510/22/KHDN tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 07/10/2022, số tiền 1.700.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 5,2%/năm.

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con trong năm

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG tiền thân là Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sơn.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại sơn.

Công ty Cổ phần S'Capital hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Công ty Cổ phần Sơn Maxcom Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty con

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG chủ yếu là mua sơn thành phẩm và vỏ thùng sơn.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam chủ yếu là mua bán sơn thành phẩm.

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	54.454.698.226	11.961.653.759	19.264.294.042	976.450.729	86.657.096.756
Tăng trong kỳ	-	853.026.800	4.519.912.016	98.200.000	5.471.138.816
- Mua trong kỳ	-	853.026.800	4.519.912.016	98.200.000	5.471.138.816
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(52.469.136)	(553.679.654)	-	(606.148.790)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(52.469.136)	(553.679.654)	-	(606.148.790)
Số dư cuối kỳ	54.454.698.226	12.762.211.423	23.230.526.404	1.074.650.729	91.522.086.782
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.792.925.606	8.552.928.572	18.329.859.748	553.651.871	38.229.365.797
Tăng trong năm	1.611.172.836	194.682.220	884.097.098	98.362.224	2.788.314.378
- Số khấu hao trong năm	1.611.172.836	194.682.220	884.097.098	98.362.224	2.788.314.378
Giảm trong năm	-	(52.469.136)	(553.679.654)	-	(606.148.790)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(52.469.136)	(553.679.654)	-	(606.148.790)
Số dư cuối năm	12.404.098.442	8.695.141.656	18.660.277.192	652.014.095	40.411.531.385
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	43.661.772.620	3.408.725.187	934.434.294	422.798.858	48.427.730.959
2. Tại ngày cuối năm	42.050.599.784	4.067.069.767	4.570.249.212	422.636.634	51.110.555.397

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đổng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	40.212.000	-	40.212.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	40.212.000	-	40.212.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	40.212.000	-	40.212.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Số khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	40.212.000	-	40.212.000
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	36.095.755.554	36.095.755.554	31.900.140.620	31.900.140.620
- Công ty Cổ phần Vietcom	892.092.081	892.092.081	1.885.591.054	1.885.591.054
- Công ty CP Hanotech Việt Nam	4.332.000.000	4.332.000.000	4.599.760.000	4.599.760.000
- Công ty TNHH SX-TM Ngọc Sơn Hà Nội	14.666.863.119	14.666.863.119	12.630.929.445	12.630.929.445
- Phải trả cho các đối tượng khác	16.204.800.354	16.204.800.354	12.783.860.121	12.783.860.121
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	103.699.621	103.699.621	103.699.621	103.699.621
- Công ty TNHH Thương mại Quảng Ngà	27.629.620	27.629.620	27.629.620	27.629.620
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38.000.000	38.000.000	38.000.000	38.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38.070.001	38.070.001	38.070.001	38.070.001
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
5.13 . TRẢ TIỀN TRƯỚC	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	263.399.995	263.399.995	23.998.925	23.998.925
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	263.399.995	263.399.995	23.998.925	23.998.925

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

5.13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp	4.526.860.915	18.810.454.799	20.817.723.991	2.519.591.723
- Thuế GTGT	2.605.766.341	16.856.989.970	18.072.493.596	1.390.262.715
- Thuế TNDN	1.921.094.574	1.771.007.379	2.571.512.067	1.120.589.886
- Thuế TNCN	-	176.457.450	167.718.328	8.739.122
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-

	01/01/2025	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2025
b) Phải thu	729.178.514	-	721.476.741	7.701.773
- Thuế TNDN	654.642.410	-	654.642.410	-
- Thuế TNCN	74.536.104	-	66.834.331	7.701.773

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn	7.831.905.241	12.082.428.883
- Kinh phí công đoàn	219.180.327	208.716.297
- Bảo hiểm xã hội	109.613.643	614.189.824
- Phải trả, phải nộp khác	7.503.111.271	11.135.522.762
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	124.000.000
b) Dài hạn	435.430.120	240.430.120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	435.430.120	240.430.120
c) Phải trả khác là các bên liên quan	7.407.733.328	5.748.349.672
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	7.407.733.328	5.748.349.672

5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn	497.000.000	579.751.605
- Trích trước chi phí kiểm toán	77.000.000	82.500.000
- Chi phí phải trả khác	420.000.000	497.251.605
b) Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phú Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả	59.243.803.125	59.243.803.125	138.080.447.971	135.242.037.076	56.405.392.230	56.405.392.230
Vay ngắn hạn	59.243.803.125	59.243.803.125	138.080.446.638	134.952.469.076	56.115.825.563	56.115.825.563
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	16.435.243.226	16.435.243.226	44.651.850.411	41.220.741.253	13.004.134.068	13.004.134.068
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	12.697.082.624	12.697.082.624	17.030.905.841	15.737.367.199	11.403.543.982	11.403.543.982
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	20.608.256.156	20.608.256.156	47.569.370.770	41.202.422.116	14.241.307.502	14.241.307.502
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (5)	9.503.221.119	9.503.221.119	28.828.319.616	36.791.938.508	17.466.840.011	17.466.840.011
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.333	289.568.000	289.566.667	289.566.667
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (6)	-	-	1.333	289.568.000	289.566.667	289.566.667
b) Vay dài hạn	2.488.182.666	2.488.182.666	2.574.000.000	230.600.000	144.782.666	144.782.666
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (6)	144.782.666	144.782.666	-	-	144.782.666	144.782.666
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (7)	2.343.400.000	2.343.400.000	2.574.000.000	230.600.000	-	-
Cộng	61.731.985.791	61.731.985.791	140.654.447.971	135.472.637.076	56.550.174.896	56.550.174.896

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/4729252/HĐTD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ngày 11/09/2024, hạn mức tín dụng thường xuyên 30 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova 2.0E BKS 29A-871.21, ô tô Hyundai I10 BKS 30A.627.39, ô tô Hyundai Santafe BKS 30F-192.48, ô tô Mazda CX5 BKS 30F-160.23, ô tô Ford Ranger BKS 29C-790.49 thuộc sở hữu của công ty; ô tô Hyundai Accent BKS 30F-682.76 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại "số 1 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội" số AN 290028 cấp ngày 09/09/2008 của ông Bùi Văn Đình và bà Đào Thị Lan Anh; 500.000 cổ phiếu mã HDA của bà Dương Thị Huyền, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bên liên quan là ông Nguyễn Văn Sơn và bà Lê Như Ngọc tại "khu chức năng đô thị Xuân Phương, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội" số CN 767166 cấp ngày 14/06/2018.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/TĐTD/806400003488 ngày 06/04/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng, hạn mức tín dụng là 13,5 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 22/02/2024, thời hạn vay không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kèm khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo của bên liên quan là quyền sở hữu căn hộ chung cư 910, Chung cư cao tầng A1-Lô đất C12, Khu đô thị Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DB 508239 cấp ngày 29/04/2021 của ông Hoàng Trung Kiên và bà Nguyễn Thị Lan Anh; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 11, ngõ 48, phố Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 135931 cấp ngày 13/09/2018 của ông Trần Hải Hưng; Hợp đồng bảo lãnh của bên liên quan là ông Mai Anh Tám số SHBHNC/HĐBL/806400003488-01 ngày 19/04/2023 và ông Nguyễn Văn Sơn và số SHBHNC/HĐBL/806400003488-02 ngày 19/04/2023, đồng ý dùng mọi tài sản của bên bảo lãnh để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 353/2023-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 27/10/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức ngày 27/10/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 27/10/2023 đến hết ngày 27/10/2024, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm. Tài sản thế chấp là 1 xe Lexus BKS 29A-33676, 1 xe ô tô Ford Ranger BKS 29C-610.26, 1 xe ô tô tải Pick up cabin nhãn hiệu Ford Ranger BKS 29C-608.49, 1 xe Mazda BKS 30E-063.63, 1 xe ô tô Kia BKS 30E- 492.90, máy móc thiết bị pha chế sơn, hàng hóa tồn kho luân chuyển tương ứng với giá trị cấp tín dụng, các khoản phải thu thuộc sở hữu của Công ty; 740.000 cổ phiếu của bên liên quan là ông Mai Anh Tám và 517.000 cổ phiếu của bên liên quan là ông Nguyễn Văn Sơn của Công ty phát hành; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bên liên quan tại thửa "Đông Du Núi, Đào Viên, Quế Võ, Bắc Ninh" số AK 653619 cấp ngày 29/10/2007 cho bà Nguyễn Thị Sót và ông Nguyễn Huy Quang đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Long ngày 18/06/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại "thôn Nhân Lễ, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội" số DA 710480 cấp ngày 29/12/2020 của ông Nguyễn Hồng Thái và bà Phạm Thị Liên.

(4) Hợp đồng cho vay số 36012.22.059.1978415.TD ngày 16/08/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Đống Đa, tổng hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 20/09/2024, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 9 tháng, lãi suất cho vay quy định theo từng văn bản nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngành sơn. Tài sản bảo đảm là 07 ô tô BKS 30F-134.12, 30F-136.49, 30F-165.53, 30F-194.34, 30F-195.05, 30F-244.36, 30F-372.89 của Công ty; 02 ô tô của bên liên quan là Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam BKS 30F-682.15, 30F-682.28.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

(5) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 90/23/CTD/VCBCD-SDA ngày 05/10/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức cho vay 20 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 04/10/2024, thời hạn cho vay tối đa 12 tháng theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản bảo đảm là tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 510/22/KHDN ngày 07/10/2022, quyền sử dụng đất và nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 714200 cấp ngày 11/02/2022 của ông Trần Xuân Thọ và bà Nguyễn Thị Ngọc Minh, 1.214.000 cổ phiếu HDA của bên liên quan là bà Lê Như Ngọc được lưu ký tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại hình thành từ vốn vay.

(6) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 210/2023/HĐCVDADT/NHCT131-HDA ngày 30/06/2023 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, số tiền không vượt quá 868.700.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, mục đích sử dụng đầu tư mua sắm 01 xe ô tô mới 100% phục vụ nhu cầu kinh doanh của công ty. Tài sản đảm bảo là xe ô tô 7 chỗ ngồi, hiệu Ford Everest biển kiểm soát 30K-370.41 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 00527 cấp ngày 28/06/2023 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	275.999.670.000	(375.454.545)	-	33.909.777.982	(2.314.686.638)	307.219.306.799
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	14.376.918.410	14.376.918.410
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	275.999.670.000	(375.454.545)	-	33.909.777.982	12.062.231.772	321.596.225.209
Tăng vốn trong năm (*)	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	10.632.073.585	10.632.073.585
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	729.814.199	(729.814.199)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	275.999.670.000	(375.454.545)	-	34.639.592.181	21.964.491.158	332.228.298.794

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2022	31/12/2025	01/01/2025
Bà Lê Như Ngọc	14,15%	39.058.800.000	39.058.800.000
Ông Mai Anh Tám	8,35%	23.047.520.000	23.047.520.000
Vốn góp của các đối tượng khác	77,50%	213.893.350.000	213.893.350.000
Cộng	100,00%	275.999.670.000	275.999.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	275.999.670.000	275.999.670.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	275.999.670.000	275.999.670.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.599.967	27.599.967
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.599.967	27.599.967
- Cổ phiếu phổ thông	27.599.967	27.599.967
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.599.967	27.599.967
- Cổ phiếu phổ thông	27.599.967	27.599.967
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2025	01/01/2025
- Quỹ đầu tư phát triển	34.639.592.181	33.909.777.982

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4	
	Năm 2025	Năm 2024
a) Doanh thu	168.845.158.474	154.504.984.259
b) Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	-	-

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Hàng bán bị trả lại	94.046.804	1.603.617.165
Cộng	94.046.804	1.603.617.165

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hàng đã bán	137.532.820.151	127.049.412.977
Cộng	137.532.820.151	127.049.412.977

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, cho vay
Cổ tức, lợi nhuận được chia
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

Năm 2025	Năm 2024
106.792.072	2.549.848
3.560.616.344	4.929.097.578
3.667.408.416	4.931.647.426

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay
Hoàn dự phòng các khoản đầu tư
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

Năm 2025	Năm 2024
3.303.597.329	2.701.162.967
(5.304.653.342)	(3.514.615.507)
-2.001.056.013	-813.452.540

6.6 . THU NHẬP KHÁC

- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu nhập khác
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

Năm 2025	Năm 2024
-	-
966.479.419	1.457.959.220
966.479.419	1.457.959.220

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản khác
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

Năm 2025	Năm 2024
-	-
102.785.274	85.722.554
102.785.274	85.722.554

6.8 . CP BÁN HÀNG VÀ CP QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

Năm 2025	Năm 2024
14.903.287.773	5.831.850.569
10.444.081.356	8.476.109.741

6.9 . CP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản đ/c tăng lợi nhuận kế toán trước thuế
+ Chi phí không được trừ
+ Lỗ của chi nhánh Đà Nẵng
- Các khoản đ/c giảm lợi nhuận kế toán trước thuế
+ Chuyển lỗ của năm trước
+ LN tại Công ty mẹ
+ Thu nhập từ khoản chia cổ tức công ty con
Tổng thu nhập chịu thuế
Thuế suất thuế TNDN
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối Quý 4

Năm 2025	Năm 2024
12.403.080.964	18.661.330.439
12.572.274	85.722.554
12.572.274	85.722.554
-	-
3.560.616.344	8.030.204.300
-	3.749.882.242
-	-
3.560.616.344	4.280.322.058
8.855.036.894	10.716.848.693
20%	20%
1.771.007.379	2.143.369.738

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

8.6 . Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

8.7 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi

Ông. Mai Anh Tám

Ông. Nguyễn Văn Sơn

Bà. Nguyễn Thị Hương

Ông. Đỗ Trần Mai

Bà. Đào Thị Lan Anh

Ông. Nguyễn Lương Minh

Bà Bùi Thị Thanh Nam

Ông Hoàng Trung Kiên

Bà Lê Thị Thoa

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (từ 24/06/2025)

Phó Tổng GD (bổ nhiệm từ 17/02/2025)

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài ra, còn các bên liên quan là các cá nhân có mối quan hệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát như: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột,... theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 59 đường Thiên Đức, Xã Phù Đồng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, BCTC Quý 4 năm 2024 của Công ty.

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn